

Bản án số: **05/2020/HSST**

Ngày: 22-01-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Nhân

Ông Đặng Hoàng Mich

- Thư ký phiên Tòa: Ông Bùi Thái Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đinh Bảo Quốc – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2020/HSST ngày 02 tháng 01 năm 2020, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2020, đối với bị cáo:

Huỳnh Công K, sinh năm 1994; Tên gọi khác: N; nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Họ và tên cha: ông Huỳnh Công H, sinh năm 1967 (đã chết), họ và tên mẹ: bà Võ Thị Đ, sinh năm: 1967 (đã chết). tiền sự: Không. Tiền án: có 02 tiền án:

- Năm 2017 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xử phạt 06 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản” theo bản án số 36/2017/HSST ngày 17/11/2017.

- Năm 2018 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xử phạt 09 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản” theo bản án số 26/2017/HSST ngày 30/10/2018.

Bị bắt tạm giam từ ngày 24/10/2019 cho đến nay. *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)*

- Người bị hại

1/ **Nguyễn Thị Mỹ T**, sinh năm: 1988 (Có mặt tại phiên tòa)

Nơi cư trú: Khu phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Thạch Minh C, sinh năm: 1988 (Vắng mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Ấp **G**, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh

2/ Trần Thị Mỹ T, sinh năm: 1957 (Vắng mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: số 02 đường L, phường B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- *Người làm chứng:*

Du M, sinh năm: 1985 (Vắng mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 02 giờ 30 phút ngày 10 tháng 10 năm 2019, Huỳnh Công K mượn xe mô tô không rõ biển số, loại xe MAX của anh Du M, sinh năm 1985, nơi cư trú khu phố 3, thị trấn B, huyện B để chạy vòng quanh thị trấn B tìm chỗ mua nước đá về uống. Đến khoảng 03 giờ cùng ngày, K điều khiển xe mô tô lưu thông trên đường ĐH13 theo hướng từ thị trấn B đi xã B. Khi đi ngang nhà chị Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1988 thuộc khu phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre, K phát hiện bên trong nhà còn mở đèn, nhìn qua khe cửa sắt, K phát hiện cửa kéo không sát. K dừng xe trước cửa nhà chị T, lách người qua hàng rào bằng kẽm B40 rồi đi thẳng đến cửa sắt loại cửa kéo. K dùng tay luồn vào bên trong cửa, phát hiện ổ khóa không khóa mà chỉ móc vào khoen cửa. Lúc này, K lén lút mở cửa sắt đột nhập vào bên trong nhà phát hiện 01 điện thoại Iphone màu vàng trắng để trên đầu tủ lạnh nên lấy điện thoại bỏ vào trong túi quần. Sau đó K tiếp tục mở cửa tủ kính lục lấy tài sản bên trong 01 cái bóp da gồm 11.100.000 đồng tiền Việt Nam, 02 vòng đeo tay bằng vàng, 01 nhẫn bằng vàng, 01 sợi dây chuyền bằng vàng trắng rồi vứt bóp da ở lại hiện trường và nhanh chóng tẩu thoát. Ra khỏi nhà, K lấy ổ khóa móc vào bên ngoài cửa, lên xe chạy về thị trấn B rồi trả xe cho anh Du M. Đến 05 giờ cùng ngày, K đi xe buýt lên thành phố Bến Tre đem số vàng trộm được bán cho tiệm vàng Thanh Bạch với giá 2.600.000 đồng, riêng sợi dây chuyền màu trắng không bán được do là vàng giả nên K vứt bỏ. Bán xong tài sản trộm được, K đến nhà trọ của anh Thạch Minh C (Hùng) là bạn của K để chơi và cho C điện thoại Iphone mà K trộm được. Tất cả tài sản trộm được K đã tiêu xài hết vào mục đích cá nhân.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Đại đã mời Thạch Minh C và chủ tiệm vàng Thanh Bạch làm việc nhưng không thu hồi được số vàng và điện thoại đã bị mất. Chị T yêu cầu K bồi thường toàn bộ giá trị tài sản bị mất, riêng sợi dây chuyền màu trắng bằng vàng giả nên chị không yêu cầu. K đã bồi thường được 2.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 82/KL-HĐĐG ngày 22/10/2019, Hội đồng định giá tài sản huyện Bình Đại kết luận: 02 vòng đeo tay trọng lượng 9,7 phân vàng 18 K, 01 nhẫn trọng lượng 03 phân vàng 18K, một điện thoại Iphone 6 màu vàng

trắng của chị Nguyễn Thị Mỹ T có giá trị tại thời điểm bị mất là 8.150.000 đồng, tổng giá trị tài sản bị mất là 19.250.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKS-HS ngày 31/12/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại truy tố bị cáo Huỳnh Công K (Nhơn) về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo Huỳnh Công K (N) khai nhận vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tiền, vàng, tài sản của chị T có giá trị 19.250.000 đồng. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Huỳnh Công K (Nhơn) về tội “Trộm cắp tài sản”.

Quá trình điều tra, người bị hại là chị T yêu cầu bị cáo Huỳnh Công K phải bồi thường giá trị số tài sản bị mất là 19.250.000 đồng, bị cáo K đã bồi thường được số tiền 2.000.000 đồng nên cần buộc bị cáo K phải tiếp tục bồi thường cho chị T số tiền 17.250.000 đồng.

Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như người phạm tội đã tự nguyện bồi thường khắc phục một phần hậu quả; bị cáo có ông nội là người có công với đất nước được thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì; tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; ngoài ra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đó các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có tình tiết tăng nặng là “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ Luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 01 (một) năm đến 02 (hai) năm tù.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nói sau cùng bị cáo biết lỗi của mình. Bị cáo xin lỗi người bị hại. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Bình Đại, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên Tòa đều thực hiện theo đúng quy định pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Công K (Nhơn) thừa nhận vào khoảng 03 giờ ngày 10/10/2019 bị cáo đã có hành vi lén lút đột nhập vào nhà của chị T lấy trộm tiền, vàng, điện thoại di động. Mục đích trộm cắp là để tiêu xài cá nhân.

[3] Tại bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện Bình Đại ngày 22/10/2019 xác định các tài sản mà bị cáo Huỳnh Công K (Nhơn) lấy trộm của chị T trị giá 19.250.000 đồng.

[4] Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự bị cáo biết rõ hành vi lén lút lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Luận tội và tranh luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa, ý kiến tranh luận của người bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử kết án bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Hành vi của bị cáo lén lút lấy trộm tài sản của người khác với mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân là đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất và mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã từng bị xử phạt về hành vi trộm cắp tài sản vào các năm 2017, 2018 chưa được xóa án tích nhưng vẫn tái phạm do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[7] Tuy nhiên, xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho thấy: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục một phần hậu quả; ngoài ra bị cáo còn có ông nội là người có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Luận tội và tranh luận của Kiểm sát viên đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nguyên nhân xảy ra vụ án để đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án từ 01 (một) năm đến 02 (hai) năm tù là thỏa đáng, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[09] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Nguyễn Thị Mỹ T yêu cầu bị cáo K phải bồi thường cho chị giá trị tài sản bị mất là 19.250.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo cũng đã đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền nêu trên. Ghi nhận việc bị cáo đã bồi thường cho chị T số tiền 2.000.000 đồng. Vậy cần buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho chị T số tiền 17.250.000 đồng.

Đối với hành vi mua 02 vòng đeo tay trọng lượng 9,7 phân vàng 18 K, 01 nhẫn trọng lượng 03 phân vàng 18K của tiệm vàng Thanh Bạch và chiếc điện thoại Iphone anh Thạch Minh C nhận từ bị cáo K do không biết đây là các tài sản do phạm tội mà có và hiện nay không thu hồi được nên không đặt vấn đề xử lý trách nhiệm hình sự. Đối với việc mua bán, cho điện thoại Iphone giữa bị cáo và tiệm vàng, anh Thạch Minh C khi nào có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[10] Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong.

[11] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Điều 147 bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Bị cáo phải chịu án phí hình sơ thẩm là 200.000 đồng; án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 431.000 đồng;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Công K (N) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[1] Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Huỳnh Công K (N) **01 (một) năm 06 (sáu) tháng** tù thời hạn tù tính từ ngày 24/10/2019.

[02] Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 bộ luật hình sự năm 2015; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự 2015; buộc bị cáo Huỳnh Công K (N) phải tiếp tục bồi thường cho chị Nguyễn Thị Mỹ T số tiền 17.250.000 đồng (mười bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày chị Nguyễn Thị Mỹ T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Huỳnh Công K chưa thi hành khoản tiền nêu trên, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

[03] Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong.

[04] Về án phí: áp dụng các Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Điều 147 bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Án phí hình sơ thẩm bị cáo Huỳnh Công K (N) phải chịu là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bị cáo Huỳnh Công K (N) phải chịu là: 431.000 đồng (bốn trăm ba mươi một nghìn đồng)

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật Thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Công An huyện Bình Đại;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Bị cáo, bị hại; người làm chứng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Lương